



TẠI SAO CHÚNG TA KHÔNG THẤY
CÓ MỘT ĐẠI HỌC NÀO ĐƯỢC
XẾP HẠNG TRONG NHÓM 200 ĐẠI
HỌC HÀNG ĐẦU Ở CHÂU Á. HÔM
NAY, TÔI SẼ PHÂN TÍCH NHỮNG
CHỈ TIÊU (INDICATOR) NÀO CÓ
ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÁCH XẾP
HẠNG ĐẠI HỌC CỦA NHÓM QS.

QS SỬ DỤNG 9 CHỈ TIÊU ĐỂ ĐÁNH
GIÁ VÀ XẾP HẠNG ĐẠI HỌC,
NHƯNG HỌ CHỈ CÔNG BỐ SỐ LIỆU
CỦA 8 CHỈ TIÊU. SỐ LIỆU CỦA 8
CHỈ TIÊU NÀY BAO GỒM:

- **PR:** Bình duyệt của các nhà khoa bảng có kiến thức về nghiên cứu khoa học ở các đại học Á châu (gọi là peer review);
- **FR:** Đánh giá của các nhà khoa bảng quốc tế (international faculty review);
- **CI:** Tần số trích dẫn trung bình cho mỗi bài báo khoa học (citation);
- **RA:** Đánh giá của các công ty tuyển dụng sinh viên (recruiter assessment);
- **SS:** Số sinh viên cho mỗi giảng viên (student-staff ratio);
- **IB:** Số sinh viên nước ngoài theo học (inbound students);
- **OB:** Số sinh viên ra nước ngoài học (outbound students)

Điều đáng chú ý là QS không công bố số liệu về chỉ tiêu liên quan đến số bài báo khoa học trung bình cho mỗi giảng viên. Mỗi chỉ tiêu cho mỗi trường đại học được cho điểm (score) từ 0 đến 100. Chúng ta không biết cách tính điểm như thế nào, nhưng có lẽ điều này không quan trọng, vì đó chỉ là một cách chuẩn hóa.

Trước khi phân tích, chúng ta thử xem qua vài thống kê cơ bản về số 200 trường hàng đầu của Á châu. Câu hỏi đầu tiên đặt ra là “Á châu” là nước nào? Báo chí trong nước nói rằng không có đại học của Việt Nam, Campuchia và Lào trong bảng xếp hạng. Nhưng thật ra, các nước Á châu trong bảng xếp hạng này chỉ giới hạn trong 14 nước cung cấp dữ liệu về 7 chỉ tiêu trên: Bangladesh, Trung Quốc, Hồng Kông, Ấn Độ, Nam Dương, Nhật, Hàn Quốc, Malaysia, Pakistan, Philippines, Singapore, Đài Loan, Thái Lan, và Việt Nam.

Á châu = 14 nước!

Trong số 200 trường hàng đầu, Nhật có 56 trường (chiếm 28%), kể cả



những trường nổi tiếng thế giới như Đại học Tokyo, Osaka, Kyoto, Tohoku, Hokkaido, Nagoya, Keio, Kobe, v.v... Nước có nhiều đại học vào hàng “top 200” là Hàn Quốc, với 42 trường, kể cả ĐHQG Seoul, KAIST, Yonsei, Ajou,... Tiếp theo Hàn Quốc là Trung Quốc

với 40 trường nằm trong danh sách “top 200”. Các nước còn lại có trường nằm trong đại học hàng đầu Á châu là: Đài Loan (17 trường), Ấn Độ (12), Thái Lan (7), Hồng Kông (7), Indonesia (7), Malaysia (6), Philippines (4), và Singapore (2).

Nói tóm lại, trong số 14 nước cung cấp số liệu, chỉ có 3 nước lọt sổ là Việt Nam, Bangladesh, và Pakistan. Đây là bài học cho Việt Nam: nếu muốn tham gia vào “cuộc chơi” thì nên tham gia nghiêm chỉnh bằng cách cung cấp dữ liệu chính xác, chứ không nên cung cấp một số liệu duy nhất và bị loại.

THIẾU CHÍNH XÁC

Tuy nhiên, chỉ có khoảng 50 trường là có số liệu đầy đủ cho cả 8 chỉ tiêu, số 150 trường còn lại thì không có số liệu đầy đủ. Chẳng hạn như số liệu về đánh giá của các nhà khoa bảng (PR) chỉ có 93 trường, hay số liệu về tần số trích dẫn (CI) chỉ có 74 trường, hay tệ hơn nữa là số liệu về đánh giá của các giáo sư quốc tế chỉ có 50 trường. Riêng Việt Nam chỉ có số liệu về số



Đại học Madras



Đại học Hongkong



Hadendra Intermediate College, Bundi, Rajputana, Ấn Độ

học sinh nước ngoài theo học của ĐHQGHN, với số điểm là ... 46.8 (trên điểm tối đa 100)!

Hiện tượng số liệu không đầy đủ được gọi là "missing data". Missing data nói cho chúng ta biết điểm hết sức quan trọng là: cách đánh giá của QS có thể thiếu khách quan và thiếu chính xác. Do đó, câu hỏi đặt ra là nếu phải sử dụng trọng số của 9 chỉ tiêu thì QS đã xử lý các trường không đủ số liệu về chỉ tiêu như thế nào?

PHÂN TÍCH CÁCH ĐÁNH GIÁ VÀ VÀI BÀI HỌC

Bây giờ chúng ta quay lại câu hỏi chính: trong 8 chỉ tiêu trên, chỉ tiêu nào có ảnh hưởng đến điểm xếp hạng. Cách định lượng tốt nhất là tính hệ số tương quan (correlation coefficient) giữa điểm xếp hạng và điểm của 8 chỉ tiêu. Kết quả tính toán cho thấy hệ số tương quan giữa điểm xếp hạng đại học và:

- PR: Bình duyệt của các nhà khoa bảng: 0.73
- FR: Đánh giá của các nhà khoa bảng quốc tế: 0.26
- CI: Tần số trích dẫn trung bình cho mỗi bài báo khoa học: 0.41
- RA: Đánh giá của các công ty tuyển dụng sinh viên: 0.58
- SS: Số sinh viên cho mỗi giảng viên: 0.23

- IS: Số sinh viên quốc tế: 0.47
- IB: Số sinh viên nước ngoài theo học: 0.25
- OB: Số sinh viên ra nước ngoài học: 0.20

Các con số trên đây cho thấy bình duyệt của các nhà khoa bảng có ảnh hưởng lớn nhất đến thứ hạng (hệ số tương quan $r = 0.73$). Nói cách khác, chỉ tiêu này đã "giải thích" gần 50% những khác biệt về thứ hạng giữa các đại học. Bài học từ đây là phải làm PR (public relation) để nâng cao tên tuổi của giáo sư và trường. Điều này thì Việt Nam còn rất kém. Hầu như các đại học Việt Nam không bao giờ giới thiệu hình ảnh giáo sư của mình trên trường quốc tế. Họ có công bố bài báo khoa học nào thì cũng chẳng ai hay, chẳng ai để ý, báo chí trong nước cũng chẳng thèm nhắc đến.

Chỉ tiêu quan trọng số 2 là đánh giá của các công ty tuyển dụng sinh viên. Với hệ số $r = 0.58$, chỉ tiêu này giải thích gần ~35% khác biệt về thứ hạng của các đại học. Trong thực tế, như chúng ta biết phần lớn sinh viên Việt Nam khi tốt nghiệp đều phải được huấn luyện lại để có thể làm việc cho các công ty nước ngoài. Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo ở trong nước, hàng năm có khoảng 20.000 sinh viên tốt nghiệp đại học và cao đẳng. Trong số này, chỉ có 50% sinh viên tốt nghiệp kiếm được việc làm sau khi tốt

ng nghiệp; và trong số tìm được việc, chỉ có 30% tìm được việc đúng ngành nghề. Ngay cả những sinh viên đã tìm được việc làm, họ đều phải được huấn luyện lại, nhất là ở các công ty ngoại quốc. Bài học ở đây là chương trình giảng dạy phải đáp ứng nhu cầu thực tế của kĩ nghệ.

Một chỉ tiêu quan trọng khác liên quan đến chất lượng nghiên cứu khoa học: đó là tần số trích dẫn trung bình cho mỗi bài báo khoa học. Với hệ số tương quan 0.41, chỉ tiêu này giải thích 16% những khác biệt về thứ hạng giữa các trường đại học (chưa tính đến các yếu tố khác). Một cách khác để gián tiếp đánh giá chất lượng khoa học ở nước ta là xem xét tỉ lệ các bài báo chưa bao giờ được trích dẫn. Có khoảng 1/5 các bài báo khoa học từ Việt Nam chưa bao giờ được trích dẫn sau 5 năm công bố. Riêng ngành toán và kĩ thuật, khoảng 45% bài báo chưa bao giờ được trích dẫn. Như vậy, có thể nói khoa học Việt Nam chẳng những kém về số lượng mà còn kém về chất lượng. Bài học ở đây là không chỉ nâng cao số lượng công trình quốc tế mà còn nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, cần phải nhắm đến những tập san danh tiếng trong ngành thay vì những tập san xoàng xĩnh.

GS. NGUYỄN VĂN TUẤN